TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Trúc Duyên
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 676/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N - sinh năm 1968 *(có mặt).*
Bị đơn: Ông Trương Quốc V - sinh năm 1953 *(vắng mặt).*
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim N và ông Trương Quốc V tổ chức đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà N yêu cầu xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà N và ông V có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 27/02/2009. Hiện cháu M đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Quốc V vắng mặt không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Trương Quốc V vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Kim N và ông Trương Quốc V tổ chức đám cưới, chung sống với nhau vào năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Bà N cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà N yêu cầu xin ly hôn ông V. Đối với ông V đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ tại nơi tạm trú của ông V, nhưng ông V vắng mặt không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông V, do đó Hội đồng xét xử thấy cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Kim N và ông Trương Quốc V là vợ chồng.

[3] Bà N và ông V có 01 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 27/02/2009. Hiện cháu M đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà N phù hợp với nguyện vọng con chung, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận, giao cháu M cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Bà N xác định bà và ông V không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông V cũng không có yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận bà Nguyễn Kim N và ông Trương Quốc V là vợ chồng.

Giao cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 27/02/2009 cho bà Nguyễn Kim N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16/7/2019, bà N có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000461 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

Nơi nhận:
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Chi cục THADS Tp Cà Mau;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*